| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ PHAN THIẾT**<br>**TỈNH BÌNH THUẬN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Số: 96/2018/QĐST-HNGĐ

*Phan Thiết, ngày 08 tháng 11 năm 2018.*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT

Căn cứ khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 36, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 150, Điều 370, Điều 371, Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 116, 117, 118 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi Gên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 114/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự*

**Bà Phan Tố N**, sinh năm 1997

Nơi cư trú: Khu phố 7, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

**Ông Trần Hồ G**, sinh năm 1993

Nơi cư trú: Khu phố 7, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

## NHẬN ĐỊNH

[1] Bà Phan Tố N và ông Trần Hồ G đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo giấy chứng nhận kết hôn số 54/2017 ngày 14/8/2017. Nay bà N, ông G xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

[2] Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 31 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể N sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Tố N và ông Trần Hồ G thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà N, ông G có 01 con chung Trần Phan U – Sinh ngày 15/10/2017. Bà N, ông G thỏa thuận giao con chung Trần Phan U – Sinh ngày 15/10/2017 cho bà Phan Tố N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Hồ G cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên Nng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 01 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 02 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.*

Sau khi ly hôn, ông G vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Bà N và ông G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

- Về tài sản chung: Bà N, ông G khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà N, ông G khai không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Phan Tố N và ông Trần Hồ G phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình. Ngày 26/10/2018 bà N và ông G đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023745 tại Chi cục thi hành án thành phố Phan Thiết. Bà N và ông G đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình.

*Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 2, 6,7, 7A, 9, 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).*

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận**:
- Đương sự;
- VKSND Tp.Phan Thiết;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Đỗ Thị Yến Linh**